

Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ

Ia Grai, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ksor B; địa chỉ: Làng D, xã I, huyện I, tỉnh G.
- Bị đơn: Anh Rơ Châm Y; địa chỉ: Làng D, xã I, huyện I, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ksor B và anh Rơ Châm Y.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về hôn nhân: Chị Ksor B và anh Rơ Châm Y tự nguyện thuận tình ly hôn.
 - 2.2. Về con chung: Chị Ksor B và anh Rơ Châm Y thỏa thuận chị Ksor B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ksor D, sinh ngày 18/01/2008 và cháu Ksor D, sinh ngày 20/3/2012 cho đến khi con thành niên, đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Ksor B không yêu cầu anh Rơ Châm Y cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ksor B và anh Rơ Châm Y đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Ksor B và anh Rơ Châm Y thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Ksor B phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*), anh Rơ Châm Y phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Ksor B tự nguyện nộp toàn bộ số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008596 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh G. Trả lại cho chị Ksor B số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí còn lại.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- UBND xã I;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Vũ